TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1363/2020/QĐST-HNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 16 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 1305/2020/TB-TLVDS ngày 25 tháng 8 năm 2020, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Những người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà **Nguyễn Dương Hồng N**, sinh năm 1979

Ông **Đỗ Phú T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Phường 6, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ vợ chồng:

Bà Nguyễn Dương Hồng N và ông Đỗ Phú T tự nguyện kết hôn vào năm 2012, được UBND Phường 6, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển 01/2012, ngày 12/7/2012.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xảy ra tranh cãi. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên ông bà đã sống ly thân hơn một năm nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng quay về đoàn tụ là không thể nên ông bà đã bàn bạc, thống nhất thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Dương Hồng N và ông Đỗ Phú T có 01 người con chung tên Đỗ Nguyễn Như Nguyên, sinh ngày 03/01/2013. Ông bà thống nhất, ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyên.

Nghĩa vụ cấp dưỡng việc nuôi con: Bà Nguyễn Dương Hồng N và ông Đỗ Phú T thống nhất, ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng việc nuôi con chung cho ông.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Dương Hồng N và ông Đỗ Phú T khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Dương Hồng N và ông Đỗ Phú T khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Dương Hồng N và ông Đỗ Phú T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và những người yêu cầu đã cùng thống nhất giải quyết được toàn bộ nội dung vụ việc hôn nhân và gia đình về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Dương Hồng N và ông Đỗ Phú T thống nhất thuận tình ly hôn;

Giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển 01/2012, ngày 12/7/2012 của UBND Phường 6, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Đỗ Phú T và bà Nguyễn Dương Hồng N hết hiệu lực kể từ ngày 16/9/2020.

- Về con chung: Bà Nguyễn Dương Hồng N và ông Đỗ Phú T có 01 người con chung tên Đỗ Nguyễn Như Nguyên, sinh ngày 03/01/2013. Ông bà thống nhất, ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyên.

Bà Nguyễn Dương Hồng N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi cần thiết, có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng việc nuôi con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng việc nuôi con: Bà Nguyễn Dương Hồng N và ông Đỗ Phú T thống nhất, ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng việc nuôi con chung cho ông.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Dương Hồng N và ông Đỗ Phú T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Dương Hồng N và ông Đỗ Phú T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, bà N, ông T mỗi người chịu một nửa, nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà N, ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0088201 ngày 17/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Sau khi cấn trừ bà N và ông T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THA Q. Bình Thạnh;
- UBND P.6, Q.Bình Thạnh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Chu Thị N